



Vụ kiện chống trợ cấp và bán phá giá của Hoa Kỳ:  
Những vấn đề thực chất và thủ tục chính mà các nhà xuất khẩu  
Việt Nam phải đương đầu

Bài trình bày tại Phòng Thương mại và Công nghiệp  
Việt Nam

William H. Barringer

# Các biện pháp tự vệ ở Hòa Kỳ: Kháng cáo tại Tòa án

- Ở Hoa Kỳ, mọi quyết định của DOC đều có thể bị xem xét lại bởi Tòa án Thương mại quốc tế của Hoa Kỳ.
- Bất cứ bên có lợi ích liên quan nào của vụ kiện (tức là đã có thông báo tham gia) đều có thể tiến hành kiện tại Tòa án
- Chỉ những phán quyết cuối cùng mới có thể bị kháng cáo.
- Căn cứ để xem xét kháng cáo là việc liệu phán quyết có “dựa trên những bằng chứng chắc chắn có trên hồ sơ” và “phù hợp với pháp luật của Hoa Kỳ” hay không.
- Tòa án sẽ tôn trọng DOC ở những lĩnh vực nhất định thuộc quyền tự quyết của DOC, và áp dụng tiêu chuẩn xem xét là liệu sự giải thích pháp luật của DOC có hợp lý hay không.

- Các bước kháng cáo tại Tòa án:
  - Nộp đơn xin lệnh triệu tập;
  - Nộp đơn kiện;
  - Sắp xếp lịch trình của vụ kiện;
  - Nộp hồ sơ của DOC
  - Bản kiến nghị (hoãn, bổ sung, etc.) Kiến nghị xin đưa ra phán quyết tóm tắt đối với hồ sơ
  - Tranh tụng trước Tòa
  - Tòa án đưa ra quyết định yêu cầu DOC sửa lại quyết định nếu Tòa án không đồng tình với quyết định của DOC.
  - Phán quyết về việc sửa phán quyết của DOC
  - Các bình luận về quyết định trả hồ sơ
  - Phán quyết cuối cùng của Tòa án

- Thông thường, Tòa thường đưa quyết định yêu cầu sửa lại phán quyết nhiều lần trước khi DOC thực sự sửa lại theo hướng dẫn của Tòa án (lần yêu cầu đầu tiên thường chỉ có các hướng dẫn chung, trong khi lần thứ 2 sẽ đưa ra các hướng dẫn cụ thể)
- DOC có thể đưa ra quyết định về việc sửa lại phán quyết theo hướng “phản đối” để chuyển vụ việc sang giai đoạn tiếp theo, tức là kháng cáo đến Tòa phúc thẩm của Tòa án Liên bang;
- Bên thua kiện tại Tòa án thương mại quốc tế Hoa Kỳ (CIT) có thể kháng cáo đến Tòa phúc thẩm của Tòa án Liên bang (CAFC)
- Các Bên liên quan đều có quyền kháng cáo

- Các bên không phải là bị đơn hoặc nguyên đơn có thể trở thành người liên quan đến nguyên đơn hoặc người liên quan đến bị đơn.
- Quyết định của Tòa án chỉ áp dụng đối với những pháp nhân là các bên trong vụ kiện và không áp dụng cho mọi pháp nhân trong cùng nhóm (ví dụ: nhóm các bị đơn trong phán quyết của DOC)
- Tòa án không ngăn ngại bác bỏ quyết định của DOC: ví dụ như trong các vụ vụ GPX, Amanda Foods;
- Các quyết định của Tòa thương mại quốc tế/Tòa phúc thẩm của Tòa án Liên bang áp dụng mang tính hồi tố và việc thanh khoản các khoản thuế hầu như luôn được hoãn cho đến khi có quyết định cuối cùng của Tòa án.
- Các Tòa án duy trì sự kiểm soát về quy trình cho đến hết giai đoạn kháng cáo.

- Quyết định của CIT/CAFC chỉ xem xét các vấn đề về pháp luật của Hoa Kỳ và không xem xét những vấn đề phát sinh theo Hiệp định Chống bán phá giá hoặc Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng trong khuôn khổ WTO.
- Thủ tục tố tụng tại CIT/CAFC hỗ trợ cho thủ tục tố tụng tại WTO, nhưng thông thường không thay thế được cho thủ tục tại WTO.
- Các ưu điểm: thực thi, áp dụng hồi tố, tiêu chuẩn rà soát rõ ràng hơn, không phụ thuộc vào quyết định của Chính phủ trong việc tham gia giải quyết vụ tranh chấp.

- Bản ghi nhớ về giải quyết tranh chấp tại WTO (DSU) quy định cơ chế thực thi các quyền, nghĩa vụ của Thành viên thông qua thủ tục giải quyết tranh chấp bắt buộc.
- Hai mức độ giải quyết tranh chấp: (1) Giải quyết thông qua Ban hội thẩm; (2) Xem xét lại quyết định của Ban hội thẩm bởi Cơ quan phúc thẩm.
- Cơ quan giải quyết tranh chấp thực hiện giám sát
- Ban thực thi và trọng tài là cơ qua thực thi phán quyết của cơ qua n giải quyết tranh chấp sẽ xác định việc bồi thường cho các lợi ích bị tổn hại như là hình phạt áp dụng cho việc không tuân thủ.
- Nhiệm vụ của Ban hội thẩm là đưa ra đánh giá khách quan về các tình tiết thực tế của vụ kiện, việc áp dụng và sự phù hợp với các Hiệp định liên quan.

- Các bước trong Quy trình giải quyết tranh chấp WTO
  - Nguyên đơn đưa ra yêu cầu tham vấn
  - Tham vấn
  - Yêu cầu Cơ quan giải quyết tranh chấp thành lập Ban hội thẩm
  - Lựa chọn Hội thẩm viên và Chủ tịch Ban hội thẩm (WTO sử dụng hệ thống 3 hội thẩm viên)
  - Xác định Lịch trình giải quyết
  - Bản lập luận lần đầu của các bên
  - Bản lập luận của bên thứ 3
  - Cuộc họp đầu tiên với Ban hội thẩm (các bên và bên thứ 3)
  - Trả lời các câu hỏi của Ban hội thẩm
  - Bản đệ trình lần 2 của các bên
  - Cuộc họp lần 2 với Ban hội thẩm



- Trả lời các câu hỏi lần 2 của Ban hội thẩm
- Soạn thảo các phần mô tả của phán quyết và nhận bình luận từ các bên tranh chấp
- Phán quyết sơ bộ của ban hội thẩm và bình luận từ các bên
- Báo cáo cuối cùng của Ban hội thẩm
- Cơ hội kháng cáo
- Đề trình bản lập luận và tranh tụng trước Cơ quan phúc thẩm
- Quyết định của cơ quan phúc thẩm
- Thông qua quyết định của Cơ quan giải quyết tranh chấp
- Thực thi trong một khoảng thời gian hợp lý (theo thỏa thuận của các bên, có thể lên tới 15 tháng)
- Những thách thức đối với việc thực thi và/hoặc xác định việc bồi thường

- Các loại khiếu kiện khác nhau thì có hiệu lực pháp lý khác nhau: (1) vi phạm về (một) quy định pháp lý; (2) vi phạm về áp dụng luật/hành vi cụ thể; (3) vi phạm bằng cách hàn vi tiếp diễn và được lặp đi lặp lại nhiều lần.
- Ban hội thẩm và Cơ quan phúc thẩm chỉ có thể đưa ra kết luận là có vi phạm hay không và cơ sở cho kết luận đó, nhưng thường không đưa ra hướng dẫn cho Thành viên về cách thức cho luật pháp/quyết định bị kiện phù hợp với nghĩa vụ của Thành viên đó (tạo cho quốc gia thành viên thực thi có nhiều sự linh động hơn trong thực thi và nhưng đồng thời cũng dẫn đến việc có nhiều tranh tụng liên quan đến vấn đề này)
- Các phán quyết thường giải quyết vấn đề từng bước và được thi hành chậm
- Không có các phán quyết về lợi ích bằng tiền cho nguyên đơn

- Mặc dù cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO ban đầu là nhằm mục đích khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng “thương lượng” nhưng cơ chế này đã trở thành nơi diễn ra tranh tụng về các quyền và nghĩa vụ
- Mặc dù chậm nhưng cho tới nay đây là một cơ chế hiệu quả, làm cân bằng hơn các quy định về phòng vệ thương mại, bao gồm giải quyết các vấn đề: (1) phương pháp quy về 0, (2) áp dụng các dữ kiện sẵn có, (3) thuế suất toàn quốc và thuế suất riêng rẽ trong các cuộc điều tra đối với các nền kinh tế phi thị trường mặc dù là chậm, (4) tính trùng thuế trong điều tra CVD/AD đối với nền kinh tế phi thị trường, (5) xử lý vấn đề về các doanh nghiệp có vốn của nhà nước trong luật CVD và (6) mối quan hệ nhân quả và yếu tố không liên quan của điều tra thiệt hại

# Thực thi các quyết định WTO của Hoa Kỳ

- Thay đổi về pháp luật (ví dụ: tính thuế hai lần)
- Phần 129 Đạo luật Đàm phán Uruguay (thay đổi kết quả của các cuộc điều tra riêng biệt hoặc các kỳ rà soát)
- Phần 123 của Đạo luật Đàm phán Uruguay (thay đổi các phương pháp áp dụng đối với tất cả các cuộc điều tra hoặc các kỳ rà soát)
- Thông thường, cần kết hợp các thủ tục này để buộc Hoa Kỳ tuân thủ nghĩa vụ WTO
- Phương pháp quy về không: áp dụng thủ tục theo Phần 123 để thay đổi phương pháp tính thuế cho các cuộc điều tra trong tương lai và thủ tục theo Phần 129 để thay đổi các quyết định đã ban hành theo phán quyết WTO.

- Tính thuế Trùng: Cần thay đổi về pháp luật để cho phép sự điều chỉnh đối với việc tính thuế trùng và tiếp theo là thủ tục theo Phần 129 để điều chỉnh phương pháp tính thuế trùng đối với các quyết định được xác định là không phù hợp với WTO
- Các quyết định của DOC đã được xác định là không phù hợp với WTO không thể bị thay đổi trừ khi tiến hành thủ tục quy định tại Phần 129.
- Các phương pháp áp dụng chung không thể bị thay đổi nếu không sử dụng quy định tại Phần 123.
- Trong vụ kiện DS404 (Vụ tôm của Việt Nam), Hoa Kỳ chưa tiến hành các thủ tục quy định tại Phần 123 hoặc Phần 129.

- Phương pháp quy về không: Cần áp dụng thủ tục tại Phần 123 để điều chỉnh phương pháp tính thuế áp dụng cho các cuộc điều tra trong tương lai và thủ tục quy định tại Phần 129 để thay đổi các quyết định đã ban hành theo phán quyết của WTO.

# Các vấn đề chính cần yêu cầu xem xét trong các vụ kiện ADRTIS

1. Xác định các bị đơn bắt buộc dựa vào chọn mẫu thay vì dựa vào khối lượng xuất khẩu lớn nhất
2. Mở rộng các nước thay thế được coi là phù hợp
3. Sử dụng phá giá mục tiêu như là một cơ chế để tái áp dụng phương pháp quy về 0 trong việc tính toán biên độ phá giá
4. Quy định 33% đối với nguyên nhiên liệu nhập khẩu từ nền kinh tế thị trường như là ngưỡng chuẩn để thay cho việc sử dụng giá trị thay thế
5. Không áp dụng quy định về hủy bỏ lệnh áp thuế và làm cho việc đáp ứng được các điều kiện để bỏ lệnh thuế dựa trên rà soát hoàng hôn trở nên không khả thi.

# Giải quyết các vấn đề cơ bản trong vụ kiện AD

- 3 Cơ quan: (1) tại DOC thông qua điều tra và rà soát, (2) tại Toà án CIT và (3) giải quyết tranh chấp tại WTO
- Đạt được thành công thường cần có sự tham gia tại cả ba cơ quan nói trên:
  - Có hồ sơ pháp lý và dữ kiện thực tế thích hợp tại DOC để làm cơ sở cho kháng cáo sau này
  - Khiếu kiện các vấn đề về luật pháp Hoa Kỳ tại toà CIT
  - Khiếu kiện các vi phạm quy định WTO tại cơ chế của WTO

Thông thường, chỉ sử dụng một cơ chế là không đủ để giải quyết các vấn đề phức tạp, có sự trùng lặp về thẩm quyền liên quan đến các dữ kiện thực tế, luật nội địa (luật Hoa Kỳ) và các án lệ tại WTO



# Ví dụ: chiến lược sử dụng nhiều cơ chế để hủy bỏ lệnh áp thuế

- Trong các cuộc điều tra và rà soát:
  - Xây dựng cơ sở vững chắc đối với các giá trị thay thế : các bị đơn bắt buộc thống nhất phương pháp tiếp cận trong suốt vụ kiện
  - Sử dụng so sánh để phản đối bất cứ giá trị thay thế nào khác do nguyên đơn đề xuất
  - Đề chuẩn bị kháng cáo lên toà CIT, cần phải đưa ra các lập luận trong suốt điều tra hoặc rà soát để đảm bảo rằng đã “sử dụng hết” tất cả các biện pháp có lợi trong rà soát nại hành chính (ví dụ như khiếu kiện về thuế suất riêng rẽ và thuế suất toàn quốc)
  - Chú trọng tới các giá trị thay thế của những nguyên nhiên liệu phụ bởi vì những giá trị này có thể gây ra các vấn đề (ví dụ nguyên liệu bao bì để đóng gói tôm)
  - Không nên chỉ chấp nhận các phương pháp mới của DOC, mà hãy khiếu kiện các phương pháp này (ví dụ như đối với phá giá mục tiêu)

# Ví dụ về chiến lược sử dụng nhiều cơ chế: Dỡ bỏ lệnh thuế

- Tại toà CIT
  - Được quyền kháng cáo nếu như là một bên liên quan của vụ kiện đang bị kháng cáo
  - Gửi thông báo nhằm báo cho CIT về ý định kháng cáo trong vòng 30 ngày, đơn kiện chỉ rõ nội dung kháng cáo, sau đó CIT sẽ chỉ định vụ kiện và đưa ra lịch làm việc
  - Kháng cáo dựa vào hồ sơ vụ việc bị kháng cáo và các vấn đề đưa ra trong kháng cáo đó
  - Đề dỡ bỏ lệnh thuế đối với tôm, cần phải khiếu kiện cơ sở của thuế suất riêng rẽ (ví dụ Amanda Foods đã giảm được mức thuế suất riêng rẽ xuống mức bằng 0 hoặc tối thiểu) trong các đợt rà soát liên tiếp để có thể có được biên độ tối thiểu hoặc 0 trong rà soát hàng năm
  - Vẫn có một vài vấn đề về hệ quả của việc sử dụng phương pháp quy về 0 trong các vụ kiện sau này và của vấn đề về thuế suất toàn quốc

- Giải quyết tranh chấp tại WTO
  - Buộc Hoa Kỳ phải thay đổi các phương pháp và hành xử không phù hợp với WTO và thay đổi các kết quả điều tra hoặc rà soát để thực thi phán quyết của WTO
  - Đối với dỡ bỏ lệnh thuế, cần có một phán quyết của WTO kết luận rằng sử dụng phương pháp quy về 0 trong rà soát là vi phạm quy định WTO, thuế suất toàn quốc là vi phạm quy định WTO và việc căn cứ vào các biên độ được tính toán không phù hợp với WTO để đưa ra quyết định rà soát hàng hóa là vi phạm WTO
  - Các phán quyết của WTO kết hợp với phán quyết của CIT trong vụ Amanda Foods tạo nên cơ sở cho việc (1) các bị đơn riêng lẻ được dỡ bỏ lệnh thuế dựa trên việc không còn bán phá giá hoặc (2) đạt được sự dỡ bỏ trong một đợt rà soát hàng hóa xét lại
  - Giải quyết tranh chấp tại WTO là cơ chế giữa các chính phủ, nhưng việc thực thi thường đòi hỏi có sự tham gia của các công ty bị đơn

# Vai trò của các Bên tranh chấp

- Các bị đơn bắt buộc
- Các bị đơn xin hưởng thuế suất riêng rẽ
- Hiệp hội (trong các vấn đề về điều phối)
- Chính phủ (WTO)

# Các vấn đề chống trợ cấp CVD chính cần giải quyết

- Các kế hoạch của trung ương và địa phương và mối quan hệ của các kế hoạch này với việc tiếp cận các khoản vay với lãi suất và điều kiện ưu đãi hoặc tiếp cận đất đai với giá ưu đãi
- Các thể chế thuộc sở hữu của nhà nước với tư cách là cơ quan công có thể cung cấp các “khoản đóng góp tài chính” để tạo nên các trợ cấp và cung cấp nguyên nhiên liệu đầu vào với “giá thấp hơn giá trị thông thường”
- Tính trùng theo quy định của luật mới và phán quyết vụ kiện WTO DS379